

MÔ HÌNH “ĐẠI HỌC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO”: KHÔNG GIAN KẾT NỐI TRI THỨC TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Nguyễn Văn Phúc¹

TÓM TẮT

Trong thời đại số, giáo dục đại học đang đứng trước yêu cầu chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Nghiên cứu tập trung làm rõ cơ sở lý luận của mô hình này dưới góc tiếp cận hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và không gian kết nối tri thức. Trên cơ sở phương pháp phân tích tài liệu, tổng hợp và tiếp cận hệ thống, bài viết phân tích vai trò của không gian kết nối tri thức trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc hình thành mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” đòi hỏi sự chuyển dịch từ ứng dụng công nghệ đơn thuần sang xây dựng môi trường tri thức mở, liên kết đa chủ thể và thúc đẩy chia sẻ tri thức. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Đại học đổi mới sáng tạo, giáo dục đại học, không gian kết nối tri thức, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4741.07.2026.1426>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những biến chuyển nhanh chóng của thời đại số đang đặt giáo dục đại học (GDĐH) trước một yêu cầu phát triển chưa từng có tiền lệ. Sự chuyển dịch của kinh tế thế giới, đặc biệt là kinh tế tri thức cùng sự phổ cập của khoa học công nghệ đã làm thay đổi căn bản cơ chế tạo lập và lan tỏa tri thức trong xã hội. Tri thức không còn vận hành theo chu trình khép kín mà được hình thành, chia sẻ và ứng dụng trong một môi trường mở, nơi các chủ thể có thể tương tác với tốc độ và quy mô rất lớn. Trong bối cảnh đó, mô hình đại học truyền thống với chức năng đào tạo và nghiên cứu theo hướng tuyến tính dần “lạc hậu” trước đòi hỏi của thời đại số. Các trường đại học cần chuyển sang mô hình phát triển đặt trọng tâm vào đổi mới sáng tạo (ĐMST), hợp tác và kiến tạo tri thức, thay vì chỉ truyền thụ tri thức.

Hiện nay, mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” là xu thế phát triển mới của GDĐH, lấy khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển giao tri thức làm giá trị cốt lõi. Khác với mô hình đại học truyền thống chủ yếu thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu, “Đại học đổi mới sáng tạo” hướng đến việc tạo lập môi trường thúc đẩy sáng tạo tri thức, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và kết nối chặt chẽ với các chủ thể trong hệ sinh thái ĐMST. Trong bối

¹Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh; Email: phucnvan@huit.edu.vn;
<https://orcid.org/0009-0006-8055-3001>

cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, việc phát triển mô hình này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà còn tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới mô hình phát triển đất nước.

Đảng và Nhà nước đã xác định rõ yêu cầu tái cấu trúc GDĐH nhằm thích ứng với bối cảnh mới. Nghị quyết 71-NQ/TW nhấn mạnh nhiệm vụ: *“Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo”*. Từ góc độ quản lý nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 281/NQ-CP, xác định: *“ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới, trở thành đầu tàu, nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo”*. Các định hướng này cho thấy không còn là vấn đề nội tại của từng cơ sở mà đã trở thành một yêu cầu mang tính chiến lược của quốc gia.

Tuy nhiên, tại Việt Nam quá trình chuyển dịch sang mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” diễn ra còn chưa đồng đều. Ứng dụng công nghệ số vào quản trị nhiều trường đã thực hiện nhưng chưa hình thành môi trường liên thông tri thức đủ mạnh để kích hoạt ĐMST ở cấp độ hệ thống. Một số cơ sở đã xây dựng trung tâm ĐMST và hệ sinh thái hợp tác với doanh nghiệp nhưng còn thiếu sự kết nối chặt chẽ giữa giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng. Mặt khác, thể chế quản trị, văn hóa học thuật và năng lực số của người học và người dạy vẫn là những yếu tố cần tiếp tục được củng cố để có thể vận hành mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” một cách thực chất.

Từ những vấn đề đặt ra của thời đại số và định hướng của các nghị quyết quan trọng, việc nghiên cứu mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” dưới góc nhìn không gian kết nối tri thức là cần thiết. Cách tiếp cận này xem GDĐH như một hệ thống mở, trong đó tri thức được tạo lập, chia sẻ và lan tỏa bởi sự tương tác giữa nhiều chủ thể. Đồng thời, nghiên cứu còn giúp nhận diện những điều kiện và yếu tố quyết định để mô hình này có thể được vận hành hiệu quả tại các cơ sở GDĐH Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử nhằm phân tích quá trình chuyển đổi của GDĐH trong bối cảnh thời đại số và phát triển kinh tế tri thức. Bài viết tiếp cận mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” dưới góc nhìn HSTĐMST và không gian kết nối tri thức, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa GDĐH, công nghệ và các chủ thể xã hội trong quá trình tạo lập và lan tỏa tri thức.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu để hệ thống hóa các quan điểm lý luận của OECD, UNESCO cùng các văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến đổi mới GDĐH và chuyển đổi số. Đồng thời, phương pháp tiếp cận hệ thống được sử dụng nhằm đánh giá sự vận động của mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” trong mối liên hệ giữa thể chế, hạ tầng số, nguồn nhân lực và hệ sinh thái tri thức. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh và khái quát hóa được vận dụng để đối chiếu xu hướng phát triển GDĐH trên thế giới với thực tiễn tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy hình thành mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” trong bối cảnh hiện nay.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý luận về “Đại học đổi mới sáng tạo”

Sự chuyển dịch của nền kinh tế thế giới sang mô hình kinh tế dựa trên tri thức đang làm thay đổi sâu rộng cấu trúc và chức năng của GDDH. Thay vì vận hành chủ yếu dựa trên đào tạo và nghiên cứu theo cách tiếp cận truyền thống, GDDH đang được nhìn nhận như một thành tố quan trọng trong hệ thống ĐMST quốc gia. OECD cho rằng sự phát triển của một quốc gia phụ thuộc đáng kể vào khả năng tổ chức và lan tỏa tri thức, trong đó trường đại học giữ vai trò trung tâm với nhiệm vụ kết nối nghiên cứu, đào tạo và ĐMST nhằm hình thành năng lực cạnh tranh mới cho nền kinh tế [7]. Cùng quan điểm này, UNESCO nhấn mạnh đại học hiện đại phải chuyển sang mô hình nơi tri thức được đồng kiến tạo, chia sẻ rộng rãi và ứng dụng vào phát triển bền vững, thay vì chỉ truyền đạt theo cơ chế tuyến tính [8].

Trên nền tảng lý luận đó, mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” được xác định như một hình thái phát triển mới, trong đó tri thức được xem là yếu tố cốt lõi, có khả năng tái tạo và lan tỏa thông qua sự tương tác giữa nhiều chủ thể. “Đại học đổi mới sáng tạo” không chỉ chú trọng vào kết quả nghiên cứu mà quan trọng hơn là tạo điều kiện để giảng viên, sinh viên, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia vào quá trình sáng tạo giá trị mới. Quan niệm này phù hợp với tư tưởng của UNESCO về tri thức mở, cho rằng một hệ thống giáo dục phát triển cần xây dựng được môi trường học thuật nơi tri thức được tiếp cận rộng rãi, được chia sẻ một cách minh bạch và được ứng dụng để giải quyết các vấn đề của xã hội [9].

Một trong những khung lý luận quan trọng để giải thích mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” là học thuyết Triple Helix. Theo học thuyết này, sự tương tác giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp là động lực chính của ĐMST. Mỗi chủ thể thực hiện những chức năng riêng, đồng thời tham gia vào không gian chung nhằm khai thác và phát triển tri thức. Đây là môi trường nơi các phòng lab thực nghiệm, trung tâm nghiên cứu, các chương trình ĐMST và mạng lưới khoa học cùng vận hành để tạo ra các giá trị mới. Cách tiếp cận Triple Helix cũng phù hợp với nhận định của OECD rằng ĐMST chỉ có thể phát huy hiệu quả khi có sự kết nối liên tục và bền vững giữa các chủ thể trong hệ thống giáo dục và hệ thống sản xuất của quốc gia [7].

Các lý thuyết về hệ sinh thái tri thức tiếp tục củng cố nền tảng lý luận cho mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Hệ sinh thái tri thức được hiểu là môi trường nơi tri thức được tạo lập, tích lũy và luân chuyển trong chu trình liên tục thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu và ứng dụng. OECD nhận định rằng tri thức trong giai đoạn hiện tại không còn là tài sản của một tổ chức mà trở thành nguồn lực xã hội, có giá trị khi được kết nối và sử dụng trong các môi trường mở [6]. Điều này cho thấy đại học cần chuyển từ cơ chế vận hành khép kín sang mô hình vận hành mở, nơi hạ tầng số, thể chế quản trị và văn hóa học thuật giúp tri thức được lưu thông tự do và hiệu quả.

Giá trị lý luận quan trọng khác của mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” là vai trò của không gian kết nối tri thức. Không gian này bao gồm tổng hợp các điều kiện về công nghệ, thể chế, văn hóa và xã hội cho phép các hoạt động học thuật và sáng tạo diễn ra liên tục và tác động lẫn nhau. Với sự bùng nổ của công nghệ số, không gian kết nối tri thức vượt ra ngoài giới hạn vật lý, tạo điều kiện cho sự hợp tác trong cộng đồng học thuật, các nhóm

nghiên cứu và các tổ chức trong nước cũng như quốc tế. UNESCO khẳng định rằng sự hình thành của các không gian tri thức mở sẽ thúc đẩy mạnh mẽ khả năng hợp tác xuyên biên giới và củng cố năng lực sáng tạo của các cơ sở GDĐH [9].

Trong bối cảnh Việt Nam, những định hướng trong Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 281/NQ-CP cho thấy sự cần thiết phát triển mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” với vai trò trung tâm của tri thức và công nghệ. Nghị quyết 71-NQ/TW khẳng định: *“thúc đẩy mạnh mẽ phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới, trở thành đầu tàu, nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo”* [1], bên cạnh đó Nghị quyết 281/NQ-CP xác định mục tiêu: *“nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm tri thức, đổi mới sáng tạo của quốc gia”* [5]. Đây là cơ sở quan trọng để hướng đến mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” phù hợp với đặc thù của Việt Nam và gắn kết với các khung lý luận quốc tế hiện hành.

Xét về bản chất, “Đại học đổi mới sáng tạo” là mô hình GDĐH vận hành theo cơ chế hệ sinh thái mở, trong đó hoạt động đào tạo, nghiên cứu và ĐMST được tích hợp trong một chỉnh thể thống nhất. Mô hình này không chỉ hướng tới truyền thụ tri thức mà còn tập trung kiến tạo tri thức mới, chuyển giao công nghệ và tạo ra giá trị cho xã hội thông qua sự tương tác giữa nhà trường, doanh nghiệp và Nhà nước. Trên cơ sở các tiếp cận của OECD, UNESCO và Triple Helix, có thể nhận diện một số tiêu chí cơ bản của “Đại học đổi mới sáng tạo” gồm: (1) năng lực nghiên cứu và ĐMST; (2) mức độ tự chủ và quản trị hiện đại; (3) khả năng kết nối với hệ sinh thái ĐMST; (4) hạ tầng tri thức số và môi trường học tập mở; (5) văn hóa học thuật khuyến khích sáng tạo và chia sẻ tri thức. Đây là những tiêu chí quan trọng để phân biệt mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” với mô hình đại học truyền thống.

Từ cơ sở lý luận trên có thể thấy mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” là sự kết hợp giữa tri thức, công nghệ và tương tác xã hội trong một môi trường học thuật mở. Mô hình này yêu cầu các cơ sở GDĐH phải tái cấu trúc cách thức tổ chức và vận hành để thích ứng với bối cảnh mới nhằm phát huy vai trò là “đầu tàu” của hệ sinh thái tri thức quốc gia.

3.2. Không gian kết nối tri thức trong thời đại số

Trong thời đại số, sự bùng nổ của công nghệ số đang làm thay đổi căn bản cách thức hình thành, lưu trữ và lan tỏa tri thức trong xã hội. Trong bối cảnh đó, không gian kết nối tri thức nổi lên như một khái niệm trung tâm khi xem xét mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Không chỉ là cơ sở hạ tầng số hay môi trường công nghệ của một trường đại học, không gian kết nối tri thức đồng thời là một cấu trúc xã hội nơi tri thức được hình thành thông qua sự tương tác giữa con người, công nghệ và thể chế. Đây là nền tảng để các cơ sở GDĐH chuyển từ mô hình cung cấp tri thức truyền thống sang mô hình đồng kiến tạo và chia sẻ tri thức trong môi trường mở.

Không gian kết nối tri thức trong đại học được hình thành từ nhiều thành tố đan xen với nhau. Thành tố thứ nhất là hạ tầng số phục vụ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu. Hạ tầng này bao gồm các hệ thống quản trị tổ chức dựa trên dữ liệu, các nền tảng học tập trực tuyến, kho tài nguyên học thuật điện tử, phòng thí nghiệm ảo và các công cụ phân tích dữ liệu. Với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, các trường đại học có khả năng tạo lập không gian số nơi người học và giảng viên có thể truy cập, trao đổi và phát triển tri thức một cách linh hoạt mà không bị giới hạn bởi không gian vật lý. OECD nhận định rằng sự đầu tư vào

hạ tầng số là một yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động học thuật và tăng cường năng lực ĐMST của các cơ sở GDĐH [7].

Thành tố thứ hai của không gian kết nối tri thức là sự liên kết trong học thuật và nghiên cứu giữa các chủ thể trong và ngoài trường đại học. Những hoạt động như các nhóm nghiên cứu liên ngành, các phòng thí nghiệm chung với doanh nghiệp, các chương trình trao đổi học thuật quốc tế và hợp tác nghiên cứu cộng đồng là biểu hiện cụ thể của sự kết nối này. Mô hình Triple Helix cho rằng sự tương tác giữa đại học, nhà nước và doanh nghiệp tạo ra một không gian học thuật năng động, trong đó tri thức được tạo ra từ cả nhu cầu của thực tiễn và ý tưởng khoa học mới. Không gian kết nối tri thức vì vậy không tách biệt các hoạt động nghiên cứu với nhu cầu phát triển của xã hội mà kết hợp chúng trong một cấu trúc liên tục, linh hoạt và mở.

Thành tố thứ ba là thể chế và văn hóa học thuật của nhà trường. Các quy định về quản trị, quyền sở hữu trí tuệ, tự chủ học thuật và chính sách khuyến khích sáng tạo ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hình thành và duy trì không gian kết nối tri thức. Một môi trường học thuật cởi mở, tôn trọng chia sẻ tri thức và khuyến khích hợp tác là điều kiện quan trọng giúp các hoạt động ĐMST diễn ra hiệu quả. UNESCO trong Khuyến nghị về khoa học mở năm 2021 nhấn mạnh rằng học thuật mở và truy cập tri thức rộng rãi là nền tảng để xây dựng HSTĐMST bền vững và bao trùm [9]. Điều này cho thấy không gian kết nối tri thức phụ thuộc nhiều vào văn hóa và thể chế, chứ không đơn thuần dựa vào công nghệ.

Không gian kết nối tri thức tạo ra sự thay đổi đáng kể trong cách thức tổ chức hoạt động học tập và nghiên cứu. Người học có thể tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức từ rất sớm thông qua các dự án thực hành, nghiên cứu ứng dụng và các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp. Giảng viên cũng có điều kiện tiếp cận nhiều nguồn tri thức khác nhau để phát triển nội dung giảng dạy và mở rộng phạm vi nghiên cứu. Nhờ đó, các hoạt động học thuật trong nhà trường trở nên phong phú hơn và gắn kết chặt chẽ hơn với các yêu cầu của xã hội. Trường đại học theo mô hình ĐMST vì vậy trở thành không gian nơi tri thức được sản sinh liên tục, đồng thời tạo ra giá trị mới cho cộng đồng và nền kinh tế.

Đối với Việt Nam, yêu cầu hình thành không gian kết nối tri thức đã được đề cập rõ trong các chủ trương của Đảng và Chính phủ. Nghị quyết 71-NQ/TW xác định: *“Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng”* [1], GDĐH là một trong những lực lượng quan trọng của hệ thống ĐMST quốc gia và cần phát huy vai trò trong liên kết với doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức. Nghị quyết 281/NQ-CP cũng nhấn mạnh: *“xây dựng không gian, hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học”* [5] nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, giảng dạy và nghiên cứu nhằm hình thành HSTĐMST trong toàn hệ thống GDĐH. Những định hướng này khẳng định rằng không gian kết nối tri thức là yêu cầu chiến lược để phát triển đại học hiện đại ở Việt Nam.

Từ góc độ phát triển “Đại học đổi mới sáng tạo”, không gian kết nối tri thức có thể được xem như một dạng “hạ tầng mềm” của quá trình ĐMST. Nếu hạ tầng công nghệ tạo điều kiện cho việc lưu trữ và truyền tải dữ liệu thì không gian kết nối tri thức tạo điều kiện cho sự tương tác, hợp tác và đồng kiến tạo tri thức giữa các chủ thể. Thông qua không gian này, các nguồn lực tri thức từ giảng viên, sinh viên, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng

được kết nối trong một mạng lưới thống nhất, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu, đào tạo và thực tiễn. Đây cũng là cơ sở để hình thành các ý tưởng mới, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực ĐMST của các cơ sở GDĐH trong thời đại số.

Có thể thấy không gian kết nối tri thức là yếu tố then chốt trong mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Không gian này giúp hình thành luồng tri thức liên tục, thúc đẩy tương tác giữa các chủ thể và tạo điều kiện cho ĐMST phát triển. Trong thời đại số, không gian kết nối tri thức không chỉ là hạ tầng công nghệ mà là tổng thể các điều kiện vật chất, xã hội và học thuật, giúp các cơ sở GDĐH thực hiện sứ mệnh kiến tạo tri thức và đóng góp vào phát triển quốc gia.

3.3. Thực trạng và xu hướng phát triển mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam

GDĐH Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi sâu rộng nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại số và hội nhập quốc tế. Những năm gần đây, các cơ sở GDĐH đã chủ động triển khai chuyển đổi số, cải tiến cơ chế quản trị và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch sang mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” vẫn diễn ra chưa đồng đều và chưa đạt tới tầm mức hệ thống. Điều này thể hiện rõ qua sự chênh lệch về hạ tầng công nghệ, năng lực nghiên cứu, mức độ liên kết với doanh nghiệp và cách thức vận hành tri thức giữa các đơn vị.

Tại Việt Nam, một số cơ sở GDĐH đã bước đầu hình thành các yếu tố của mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã phát triển các trung tâm ĐMST, thúc đẩy nghiên cứu liên ngành và mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội từng bước khẳng định vai trò của một đại học nghiên cứu thông qua việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tăng cường liên kết với khu vực sản xuất. Bên cạnh đó, các cơ sở GDĐH như Trường Đại học FPT và Trường Đại học VinUni đã chú trọng xây dựng môi trường học tập số, thúc đẩy tư duy ĐMST và kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo. Những mô hình này cho thấy xu hướng chuyển dịch từ đại học truyền thống sang “Đại học đổi mới sáng tạo” đang từng bước hình thành tại Việt Nam, mặc dù mức độ phát triển còn khác nhau giữa các cơ sở GDĐH.

Về khía cạnh thể chế, Nghị quyết 71-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu phát triển GDĐH có khả năng thúc đẩy ĐMST, hỗ trợ phát triển kinh tế tri thức và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghị quyết cũng nhấn mạnh: *“Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường, nhất là đào tạo kỹ năng nghề trong các lĩnh vực công nghệ cao”* [1]. Chính phủ đã cụ thể hóa bằng Nghị quyết 281/NQ-CP, trong đó đề cập rõ nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản trị, tăng cường nghiên cứu ứng dụng và xây dựng HSTĐMST trong GDĐH. Tuy nhiên, việc triển khai vào thực tiễn còn gặp khó khăn do hệ thống pháp lý chưa hoàn chỉnh, cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan chưa thật rõ ràng và nguồn lực đầu tư còn hạn chế.

Về hạ tầng công nghệ, phần lớn các trường đại học đã triển khai hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, thư viện số và nền tảng hỗ trợ giảng dạy. Trong thời gian sau đại dịch Covid 19, các nền tảng học tập trực tuyến được sử dụng rộng rãi hơn và trở thành công cụ hỗ trợ quan

trọng. Tuy nhiên, hạ tầng tri thức số ở nhiều cơ sở vẫn chỉ dừng ở mức ứng dụng kỹ thuật, chưa đạt đến mức tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kết nối tri thức và ĐMST. Năng lực sử dụng dữ liệu trong quản trị, nghiên cứu và chuyển giao tri thức còn hạn chế, đặc biệt trong các trường chưa có điều kiện đầu tư mạnh về công nghệ số.

Về hoạt động học thuật và nghiên cứu, một số trường đã có sự cải thiện trong công bố quốc tế và tham gia các chương trình nghiên cứu liên kết. Tuy nhiên, đa số cơ sở GDĐH vẫn gặp khó khăn trong việc kết nối nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Hoạt động nghiên cứu liên ngành, hợp tác với doanh nghiệp và tham gia vào HSTĐMST còn hạn chế. Đội ngũ giảng viên nhiều nơi vẫn chủ yếu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, chưa có nhiều điều kiện tham gia các hoạt động sáng tạo tri thức và đổi mới công nghệ.

Về văn hóa học thuật và năng lực tri thức, nhiều trường đã có bước chuyển tích cực trong đổi mới phương pháp giảng dạy, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo. Tuy nhiên, môi trường học thuật mở, khuyến khích chia sẻ tri thức và hợp tác đa chiều chưa phổ biến. Tư duy quản trị hành chính truyền thống vẫn ảnh hưởng đến cơ chế tổ chức hoạt động học thuật, trong khi các chính sách hỗ trợ sáng tạo và đổi mới chưa thật sự tạo động lực mạnh mẽ cho giảng viên và sinh viên.

Tuy còn nhiều thách thức, xu hướng chuyển đổi sang mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” đang từng bước hình thành. Việc ban hành Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 281/NQ-CP thể hiện quyết tâm chính trị cao trong tái cấu trúc hệ thống GDĐH theo định hướng ĐMST và chuyển đổi số. Trong thời gian tới, các trường đại học có xu hướng tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị, mở rộng hợp tác với doanh nghiệp và thúc đẩy nghiên cứu theo hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn. Một số mô hình mới như đại học số, “Đại học đổi mới sáng tạo” và đại học thông minh đang được thí điểm tại một số cơ sở và có khả năng nhân rộng khi điều kiện về thể chế, hạ tầng và nguồn lực được cải thiện.

Từ thực trạng trên có thể thấy việc hình thành mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam đang ở giai đoạn khởi đầu và đòi hỏi sự đầu tư đồng bộ về thể chế, hạ tầng, con người và văn hóa học thuật. Xu hướng trong thời gian tới sẽ là chuyển từ ứng dụng công nghệ kỹ thuật sang xây dựng không gian tri thức hỗ trợ ĐMST, từ cải tiến cục bộ sang thay đổi ở cấp hệ thống. Đây là cơ sở để tiếp tục đề xuất các giải pháp cụ thể trong phần tiếp theo nhằm thúc đẩy hình thành và vận hành hiệu quả mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam. Những trường hợp trên cho thấy quá trình chuyển đổi sang mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” ở Việt Nam đang diễn ra theo nhiều mô hình khác nhau, song đều có điểm chung là tăng cường kết nối giữa đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức.

3.4. Giải pháp kiến tạo mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam

Dựa trên cơ sở lý luận và phân tích thực trạng, việc hình thành mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam cần được triển khai theo hướng tổng thể, đồng bộ và bám sát định hướng của các nghị quyết trung ương và chương trình hành động của Chính phủ. Giải pháp cần tập trung vào năm nhóm chính gồm hoàn thiện thể chế và chính sách, phát triển hạ tầng tri thức số, nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng văn hóa học thuật sáng tạo và tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái tri thức.

Nhóm giải pháp thứ nhất là hoàn thiện thể chế và chính sách nhằm tạo nền tảng pháp lý cho việc phát triển mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Cần tiếp tục cụ thể hóa các định hướng trong Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 281/NQ-CP, đặc biệt trong các lĩnh vực tự chủ đại học, quản lý tài chính, chuyển giao tri thức và sở hữu trí tuệ. Chính sách cần khuyến khích các cơ sở GDĐH thực hiện quyền tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình, đồng thời tạo hành lang pháp lý để trường đại học có thể hợp tác sâu rộng với doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hỗ trợ khoa học mở, chia sẻ tri thức và khai thác dữ liệu học thuật theo hướng minh bạch và an toàn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động ĐMST. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế khuyến khích các cơ sở GDĐH tham gia sâu hơn vào hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ thông qua các chính sách ưu đãi về tài chính, đầu tư nghiên cứu và hợp tác công - tư. Việc hoàn thiện thể chế không chỉ tạo môi trường pháp lý thuận lợi mà còn góp phần nâng cao tính chủ động và năng lực ĐMST của các trường đại học trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Nhóm giải pháp thứ hai là phát triển hạ tầng tri thức số của trường đại học. Hạ tầng này bao gồm hệ thống công nghệ thông tin đa lớp, nền tảng quản trị học thuật dựa trên dữ liệu và kho tri thức số phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao. Các cơ sở GDĐH cần xây dựng hệ thống quản trị tích hợp thông tin đào tạo, nghiên cứu và ĐMST, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ ra quyết định. Cần chú trọng đầu tư hệ thống phân tích dữ liệu để phục vụ đánh giá nhu cầu đào tạo, dự báo xu hướng nghiên cứu và hỗ trợ triển khai dự án ĐMST. Cùng với đó, cần mở rộng không gian tri thức thông qua kết nối với các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế, khuyến khích sử dụng tài nguyên tri thức mở theo khuyến nghị của UNESCO về khoa học mở năm 2021. Các trường đại học cần ưu tiên xây dựng kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu nghiên cứu mở và hệ thống quản trị đại học tích hợp trên nền tảng số. Đồng thời, cần thúc đẩy khả năng liên thông dữ liệu giữa các đơn vị trong trường và giữa các cơ sở GDĐH nhằm hình thành mạng lưới chia sẻ tri thức quy mô lớn. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị, hỗ trợ nghiên cứu liên ngành và thúc đẩy hoạt động ĐMST.

Nhóm giải pháp thứ ba tập trung vào phát triển đội ngũ giảng viên, nhà nghiên cứu và người học nhằm bảo đảm nguồn lực con người thích ứng với mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”. Cần triển khai các chương trình bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng nghiên cứu, quản lý tri thức và tư duy sáng tạo cho giảng viên. Đối với sinh viên, cần tạo điều kiện tham gia các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, khởi nghiệp và dự án ĐMST ngay từ giai đoạn đào tạo. Cần tăng cường cơ chế trọng dụng nhân tài, khuyến khích giảng viên tham gia mạng lưới học thuật trong nước và quốc tế để thúc đẩy quá trình đồng kiến tạo tri thức. Cùng với đó, cần đổi mới cơ chế đánh giá và sử dụng đội ngũ theo hướng coi trọng năng lực nghiên cứu, ĐMST và khả năng kết nối với doanh nghiệp, cộng đồng học thuật. Việc xây dựng đội ngũ có tư duy đổi mới, năng lực số và khả năng thích ứng với môi trường học thuật mở sẽ quyết định hiệu quả vận hành của mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”.

Nhóm giải pháp thứ tư là xây dựng văn hóa học thuật cởi mở và sáng tạo. Cơ sở GDĐH cần phát triển môi trường khuyến khích chia sẻ tri thức, chấp nhận sai khác tư duy, khuyến khích thử nghiệm và bảo đảm quyền tự do học thuật trong khuôn khổ pháp luật. Chính sách

khuyến khích sáng tạo cần được áp dụng vào hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và quản trị. Cần xem tri thức như một nguồn lực có tính chất tái tạo, không phải là tài sản đóng, từ đó thúc đẩy quá trình tạo lập và lan tỏa tri thức theo chu trình liên tục. Việc phát triển văn hóa hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu, các khoa trong trường và giữa trường với các tổ chức bên ngoài sẽ giúp giảm thiểu tư duy phân tách chuyên môn và tăng tính liên kết tri thức. Đồng thời, cần phát triển các diễn đàn học thuật mở, không gian sáng tạo và các chương trình hỗ trợ ý tưởng nghiên cứu, khởi nghiệp dành cho giảng viên và sinh viên. Những hoạt động này không chỉ góp phần lan tỏa văn hóa sáng tạo mà còn tạo môi trường thuận lợi để các ý tưởng mới được hình thành, thử nghiệm và phát triển thành các giá trị thực tiễn.

Nhóm giải pháp thứ năm tập trung vào mở rộng liên kết và hình thành hệ sinh thái tri thức quốc gia. Cần triển khai mô hình hợp tác dựa trên học thuyết Triple Helix, trong đó trường đại học kết hợp với doanh nghiệp và cơ quan nhà nước để xây dựng các trung tâm nghiên cứu liên kết, phòng thí nghiệm ĐMST và vườn ươm công nghệ. Cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo và nghiên cứu của nhà trường, thông qua các chương trình đặt hàng nghiên cứu, đồng tài trợ dự án và tư vấn kỹ thuật. Ở cấp hệ thống, cần xây dựng các mạng lưới tri thức liên trường để chia sẻ hạ tầng nghiên cứu, dữ liệu và kết quả học thuật, qua đó tạo điều kiện để nâng cao năng lực cạnh tranh của cả hệ thống GDĐH. Việc mở rộng liên kết cần được thực hiện theo hướng hình thành các mạng lưới ĐMST vùng và quốc gia, trong đó trường đại học đóng vai trò trung tâm kết nối tri thức. Thông qua các dự án hợp tác nghiên cứu, chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn và hoạt động chuyển giao công nghệ, các cơ sở GDĐH có thể gia tăng đóng góp đối với phát triển kinh tế, xã hội và nâng cao vị thế trong hệ sinh thái ĐMST quốc gia.

Ngoài năm nhóm giải pháp trên, cần đặc biệt chú ý đến lộ trình triển khai và cơ chế giám sát. Việc chuyển sang mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở GDĐH và các bên liên quan. Cần thiết lập hệ thống đánh giá dựa trên chỉ số ĐMST, chất lượng tri thức và hiệu quả kết nối với nhu cầu của xã hội. Việc triển khai theo giai đoạn, bắt đầu từ những mô hình thử nghiệm tại các trường có điều kiện thuận lợi, sau đó nhân rộng ra toàn bộ hệ thống sẽ giúp giảm thiểu rủi ro và bảo đảm hiệu quả bền vững.

Tóm lại, việc kiến tạo mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” tại Việt Nam đòi hỏi các giải pháp đồng bộ theo hướng chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị tri thức, từ ứng dụng kỹ thuật số sang xây dựng không gian tri thức, từ hoạt động cục bộ sang kết nối hệ thống. Đây là cơ sở để các trường đại học phát huy vai trò trung tâm tri thức quốc gia và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước trong thời đại số.

4. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” đang trở thành xu hướng phát triển quan trọng của GDĐH hiện đại. Trên cơ sở phân tích các tiếp cận lý luận về hệ sinh thái ĐMST, học thuyết Triple Helix và không gian kết nối tri thức, nghiên cứu cho thấy bản chất của “Đại học đổi mới sáng tạo” không chỉ nằm ở việc ứng dụng công nghệ hay đẩy mạnh nghiên cứu khoa học mà còn ở khả năng kiến tạo môi trường mở để kết nối, chia sẻ và chuyển hóa tri thức thành các giá trị phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng không gian kết nối tri thức giữ vai trò là “hạ tầng mềm” của mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo”, tạo điều kiện cho sự tương tác giữa nhà trường, doanh nghiệp, Nhà nước và cộng đồng trong quá trình đào tạo, nghiên cứu, ĐMST và chuyển giao tri thức. Đồng thời, thực tiễn phát triển GDĐH ở Việt Nam cho thấy xu hướng hình thành các yếu tố của mô hình này đã xuất hiện ở nhiều cơ sở GDĐH, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế về thể chế, hạ tầng số, nguồn nhân lực và mức độ liên kết trong hệ sinh thái ĐMST.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc phát triển mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” cần được triển khai theo hướng đồng bộ giữa đổi mới thể chế, phát triển hạ tầng tri thức số, nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng văn hóa học thuật mở và tăng cường liên kết đa chủ thể. Nghiên cứu góp phần làm rõ mô hình “Đại học đổi mới sáng tạo” dưới góc nhìn không gian kết nối tri thức, qua đó cung cấp thêm cơ sở tham khảo cho quá trình hoạch định chính sách và đổi mới GDĐH ở Việt Nam trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Công văn số: 5695/BGDĐT-GDĐH ngày 17/9/2025 Về việc triển khai thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045*.
- [3] Chính phủ (2024), *Quyết định số: 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [4] Chính phủ (2025), *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [5] Chính phủ (2025), *Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [6] OECD (2018), *The Future of Education and Skills: Education 2030*. OECD Publishing, truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2018/06/the-future-of-education-and-skills_5424dd26/54ac7020-en.pdf
- [7] OECD (2019), *Benchmarking Higher Education System Performance*, OECD Publishing, truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2019/06/benchmarking-higher-education-system-performance_bf779568/be5514d7-en.pdf
- [8] UNESCO (2009), *2009 World Conference on Higher Education: The New Dynamics of Higher Education and Research for Societal Change and Development*, Paris: UNESCO.
- [9] UNESCO (2021), *Recommendation on Open Science*, truy cập tại: <https://doi.org/10.54677/MNMH8546>

THE INNOVATION-DRIVEN UNIVERSITY MODEL AS A KNOWLEDGE CONNECTIVITY SPACE IN THE DIGITAL ERA

Nguyen Van Phuc

ABSTRACT

In the digital era, higher education is undergoing a profound transformation driven by the development of the knowledge economy, digital technologies, and innovation ecosystems. This study aims to clarify the theoretical foundations of the Innovation-Driven University Model from the perspectives of innovation ecosystems and knowledge connectivity spaces. Using document analysis, synthesis, comparative analysis, and a systems approach, the paper examines the role of knowledge connectivity spaces in fostering education, research, innovation, and knowledge transfer within higher education institutions. The findings indicate that an innovation-driven university is not merely characterized by the adoption of digital technologies but by its capacity to create an open knowledge environment that enables multi-stakeholder collaboration, knowledge sharing, and continuous innovation. In this context, knowledge connectivity space functions as a form of soft infrastructure that links universities, enterprises, government agencies, and communities in the processes of knowledge creation, dissemination, and application. Based on theoretical analysis and the current context of higher education in Vietnam, the paper proposes several solutions to promote the development of the Innovation-Driven University Model in the context of digital transformation and international integration.

Keywords: *Innovation-Driven University Model, higher education, knowledge connectivity space, digital transformation, innovation ecosystem.*

** Ngày nộp bài: 29/05/2026; Ngày gửi phản biện: 12/06/2026; Ngày duyệt đăng: 15/07/2026*